TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:467/2025/DS-PT
Ngày 26 – 11 – 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng góp vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Bà Tiêu Hồng Phượng

Ông Ninh Quang Thế

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 332/2025/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng góp vốn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2025/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu (nay là Toà án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 401/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Trần Quốc D, sinh năm 1951 (Có mặt đến khi kết thúc tranh luận, vắng mặt khi tuyên án)

Căn cước công dân số: 095051002914; Cấp ngày:10/05/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Bà Thái Ngọc C, sinh năm 1957 (Có mặt đến khi kết thúc tranh luận, vắng mặt khi tuyên án)

Căn cước công dân số: 095057007240; Cấp ngày:10/05/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (Nay là xã H, tỉnh Cà Mau).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hoàng N, là Luật sư của Công ty L – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (Có mặt đến khi kết thúc tranh luận, vắng mặt khi tuyên án)

- *Bị đơn:* Hợp Tác Xã N2.

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (Nay là xã H, tỉnh Cà Mau)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T, chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Võ Đăng K, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (Nay là xã H, tỉnh Cà Mau).

- Người kháng cáo: Ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C trình bày:

Sau khi Hợp tác xã N2 (viết tắt là HTX) thành lập, vợ chồng ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C cùng một số xã viên khác góp vốn vào HTX để tổ chức sản xuất, kinh doanh lúa giống vụ mùa năm 2017 – 2018. Tổng số có 04 xã viên góp vốn với tổng số vốn là 2.483.000.000đ , trong đó:

+ Ông Võ Đăng K, góp 1.200.000.000đ, chiếm tỷ lệ 48%;

+ Ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C góp 600.000.000đ, chiếm tỷ lệ 24%;

+ Ông Lê Văn T góp 383.000.000đ, chiếm tỷ lệ 15%;

+ Ông Lê Văn Đ góp 300.000.000đ, chiếm tỷ lệ 12%.

Đi vào hoạt động, Giám đốc HTX (ông Lê Văn T) phân công ông Võ Đăng K là người trực tiếp quan hệ khách hàng, đối tác và thực hiện toàn bộ việc kinh doanh, mua bán của HTX. Đến khi xong vụ mùa năm 2018 thì ông Võ Đăng K lập báo cáo kết quả kinh doanh gửi các xã viên, cụ thể:

+ Ngày 10/12/2018, ông K đưa cho ông D bảng tổng hợp chi cổ đông lúa năm 2018 (không có người ký) xác định lỗ số tiền 279.902.265đ.

+ Ngày 25/12/2018, ông K đưa cho ông D bảng tổng hợp chi cổ đông lúa năm 2018 (không có người ký) xác định lỗ số tiền 248.346.265đ.

+ Ngày 05/01/2019, ông K đưa cho ông D bảng tổng hợp chi cổ đông lúa năm 2018 (không có người ký) xác định lỗ số tiền 123.215.780đ.

+ Ngày 15/01/2019, ông K đưa cho ông D bảng tổng hợp chi cổ đông lúa năm 2018 (không có người ký) xác định lỗ số tiền 63.440.780đ.

+ Ngày 06/8/2020, Công an huyện H cung cấp cho ông D bảng tổng hợp chi cổ đông lúa năm 2018 (có chữ ký của Giám đốc, kế toán, thủ quỹ) xác định lỗ số tiền 30.956.230đ.

Sở dĩ có nhiều bảng báo cáo tổng hợp chi cổ đông lúa năm 2018 trên là do sau mỗi lần ông D và bà C nhận được bản báo cáo tổng hợp chi cổ đông lúa năm 2018 do ông K soạn thì ông D và bà C phát hiện ông K không trung thực trong việc thanh quyết toán với HTX. Khi ông D và bà C có ý kiến thì ông K điều chỉnh lại và cứ như thế cho đến bản báo cáo tổng hợp chi cổ đông lúa năm 2018 sau cùng là HTX kinh doanh lỗ số tiền là 30.956.230đ.

Qua kiểm tra bảng báo cáo tổng hợp chi cổ đông lúa năm 2018 ngày 06/8/2020, ông D và bà C phát hiện Giám đốc HTX và ông K đã gian lận, thanh toán khống tiền, gây thiệt hại cho xã viên, cụ thể:

1. T1 mua lúa Một bụi đỏ là lúa hàng hóa (lúa ngang) của Nhà máy V tổng số lượng là 204.993kg nhưng báo cáo với xã viên tại báo cáo tổng chi cổ đông lúa năm 2018, đề ngày 12/02/2019 là 238.351kg, chênh lệch số tiền 47.000kg x 8.000đ/kg = 266.864.000đ.

2. Mua 47.000 kg múa Một bụi đỏ là lúa hàng hóa (lúa ngang) của Nhà máy V để sàn lọc bán lúa giống với giá 8.500đ/kg, nhưng báo cáo với xã viên nâng giá lên thành 9.500đ/kg, việc mua lúa này chênh lệch số tiền là 47.000kg x 1.000đ/kg = 47.000.000đ.

3. Chiếm đoạt tiền chi phí kiểm định số tiền 30.000.000đ, cụ thể tại bản báo cáo tổng dự toán sản xuất năm 2017 – 2018 (phụ lục 1) ban hành kèm theo kế hoạch sản xuất lúa giống Một bụi đỏ năm 2017 – 2018 đề ngày 14/9/2017 của HTX (có xác nhận của UBND xã L) xác nhận khoản chi phí kiểm định là 20.000.000đ nhưng khi đưa vào quyết toán lại ghi số tiền là 75.000.000đ, chênh lệch 55.000.000đ.

4. Chi phí thuê kho để gửi lúa Một bụi đỏ và lúa OM 6976 cao hơn thực tế với tổng số tiền là 23.000.000đ.

5. Giá mua lúa hàng hóa tại khu vực Xã T (thuộc xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu) là 8.000đ/kg nhưng báo cáo với xã viên là 8.500đ/kg, dẫn đến chênh lệch số tiền là 160.354kg x 500đ/kg = 80.177.000đ.

Ngoài ra, số lượng lúa lương thực mua là 160.354kg nhưng báo cáo xã viên là 164.182kg, chênh lệch 3.828kg x 8.500đ/kg = 32.538.000đ.

Tổng số tiền chênh lệch là 80.177.000 đồng + 32.538.000 đồng = 112.715.000đ.

Tổng số tiền chênh lệch là 504.579.000đ, nếu hạch toán đúng thì HTX sẽ lãi với số tiền là 504.579.000đ – 30.956.230đ = 473.622.770đ. Căn cứ vào số vốn ban đầu mà xã viên đã góp không phải số tiền 2.483.000.000đ, mà chính xác là 2.083.000.000đ, trong đó: Ông Võ Đăng K, góp 800.000.000đ; ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C góp 600.000.000đ; ông Lê Văn T góp 383.000.000đ; ông Lê Văn Đ góp 300.000.000đ. Từ đó xác định tỷ lệ lợi nhuận trên số tiền góp vốn của xã viên là 22,7%. Do vậy yêu cầu buộc HTX N2 phải hoàn trả cho ông D và bà C số tiền là 600.000.000 đồng x 22,7% = 136.200.000đ.

Ngày 25/11/2023, ông D và bà C khởi kiện bổ sung, yêu cầu Giám đốc HTX N2 trong vụ mùa năm 2017 – 2018 là ông Lê Văn T và thủ quỹ ông Võ Đăng K trả tổng số tiền 151.218.902đ, trong đó số tiền vốn góp còn lại chưa trả là 3.018.902 đồng, tiền lãi 148.200.000đ.

(1). T1 mua lúa Một bụi đỏ của người dân mang về sấy nhà máy V tổng số lượng là 204.993kg nhưng báo cáo tổng chi cổ đông lúa năm 2018, đề ngày 12/02/2019 là 238.351kg, chênh lệch số tiền 278.204.170đ.

(2). Mua lúa OM 4900 và OM 6976 HTX đã khống lên tiền mua và chi phí là 45.443.695đ.

(3). Mua lúa khô MBĐ: HXT mua 47.000kg của Nhà máy V do ông Lê Văn Tổng hợp Đ1 mang về bán cho các đại lý gian lận bỏ túi riêng số tiền 72.430.000đ. Phần mua lúa khô của bà Đ2 và lò sấy ở xã T ông Võ Đăng K gian lận 128.968.340 đồng. Tổng cộng là: 201.398.340đ.

(4). Chi phí khác: Chênh lệch 21.000.000đ.

- Theo ông Lê Văn T là người đại diện theo pháp luật của HTX N2 trình bày:

HTX N2 có giấy phép kinh doanh số 60C07000016 ngày 06/10/2017 (đăng ký lần 2) do ông Lê Văn T làm giám đốc. Ngày 11/9/2017, HTX có thông qua phương án hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 – 2018 , sau đó HTX có lập kế hoạch sản xuất kinh doanh lúa giống, lúa lương thực và được thành viên thông qua, kết quả có 05 thành viên đăng ký góp vốn kinh doanh, thời gian nộp tiền góp vốn từ tháng 10 đến tháng 12/2017, cụ thể:

+ Ông Võ Đăng K góp 1.100.000.000đ, phiếu góp vốn ngày 12/11/2017;

+ Ông Trần Quốc D góp 600.000.000đ, phiếu góp vốn ngày 15/02/2018 (trễ 03 so với quy định);

+ Ông Lê Văn T góp 383.000.000đ, phiếu góp vốn ngày 12/11/2017;

+ Ông Lê Văn Đ góp 300.000.000đ, phiếu góp vốn ngày 12/11/2017;

+ Ông Nguyễn Văn T2 góp 100.000.000đ, phiếu góp vốn ngày 12/11/2017.

Căn cứ vào phương án hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX năm 2017 – 2018, HTX thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và góp vốn, HTX phân công ông Lê Văn T làm giám đốc, ông Trần Quốc D làm kiểm soát, ông Nguyễn Văn B làm kế toán, ông Võ Đăng K làm thủ quỹ, ông Lê Văn Đ làm thành viên giám sát kho, sàn lọc; ông Nguyễn Văn T2 là thành viên kiểm tra đồng ruộng và ông Lê Việt T3 làm thủ kho.

Mục đích góp vốn là để sản xuất kinh doanh lúa giống, lúa lương thực theo kế hoạch HTX. Cuối kỳ HTX sẽ hoạch toán tổng kết, trước hết vốn góp được trả cho các thành viên đủ 100%, sau khi trừ các khoản chi phí trong kinh doanh nếu có lợi nhuận hay lỗ thì được chia theo tỷ lệ vốn góp của các thành viên. Ngày 12/02/2019, HTX có họp tổng kết kinh doanh bị thua lỗ hơn 30.300.000đ. Hôm đó cuộc họp đang diễn ra, ông Trần Quốc D với vai trò là kiểm soát, không có sổ sách theo dõi, mà có ý kiến không đồng ý với một số nội dung tổng kết về số lượng lúa tươi thu mua vào, giá thu mua lúa khô; mặc dù trước đó tập thể đã thống nhất, tập thể có giải thích, có sổ kế toán, nhật ký thủ kho nhưng ông Trần Quốc D không ghi chép nên không nhớ, mà to tiếng cự cãi và tự ý bỏ ra về, không nghe hết nội dung làm việc. Các tài liệu mà ông Trần Quốc D đưa là các bản dự thảo chưa được các thành viên góp ý, chưa thông qua nên không có giá trị. Trước khi tổng kết các thành viên đã nhận đủ vốn góp 100%, còn phần lỗ hơn 30 triệu đồng HTX đưa vào khấu trừ dần nguồn vốn năm sau.

Tổng chi phí cho lúa tươi Một bụi đỏ số lượng 238 tấn là 1.795.481.415 đồng bao gồm mua lúa tươi nguyên liệu, thuê sấy, thuê kiểm định, bao bì, vận chuyển, thuê kho chứa lúa khô. Với số lượng lúa tươi là 238 tấn sau khi sấy còn lại 203 tấn lúa khô (tỷ lệ hao hụt 14,6%), HTX thuê kho tại nhà máy V 25 tấn (có HĐ

thuê kho), thuê kho bên ngoài chứa 178 tấn (có HĐ thuê kho), các khoản chi này nằm trong dự toán kế hoạch đã được thông qua.

Chi phí mua lúa tươi OM 6976 số lượng 76,5 tấn và lúa OM 4900 số lượng 25,7 tấn, số tiền là 684.628.615đ, bao gồm tiền mua lúa nguyên liệu, thuê kiểm định, thuế sấy, thuế kho, … các khoản chi này cũng nằm trong dự toán của kế hoạch được thông qua. Trong đó phần OM 4900 HTX đã bán lúa tươi cho bên ngoài (chị Đ2 mua) tại thời điểm vụ Đ3 – Xuân năm 2018 và không có lưu kho, không có thuê sấy. Còn phần lúa OM 6976 số lượng 76,5 tấn lúa tươi, thuê sấy còn lại 68,7 tấn lúa khô (tỷ lệ hao hụt 9%), có thuê lưu kho chứa tại nhà máy V (có hợp đồng) đến tháng 7/2018 do không bán được lúa giống nên HTX bán lúa lương thực cho bà Đ2 mua.

Tháng 3/2018, HTX có hợp đồng mua lúa lương thực Một bụi đỏ khô với nhà máy V là 47 tấn nhưng thời điểm nhận lúa là tháng 4/2018 HTX không có vốn nên không mua về kinh doanh mà sau đó nhượng lại cho bên khác mua phần lúa này; do đó, HTX không đưa vào sổ sách kế toán, thủ quỹ về số lượng lúa để sản xuất, kinh doanh. Đến tháng 7/2018, khi HTX có vốn nên đã thống nhất tiếp tục mua thêm lúa lương thực Một bụi đỏ của ông Trần Văn B1 số lượng là 175.022 tấn, tổng chi phí cho thu mua là 1.539.484.500đ để kinh doanh.

Ngày 07/8/2018 HTX có ký hợp đồng mua bao đựng lúa với Công ty B2 tại Bạc Liêu giá mua là 8.030đ/cái, số lượng 10.000 cái, trong lượng tịnh 40kg/bao để chứa khoảng 400 tấn lúa.

Tổng kết cuối năm 2018 HTX bị lỗ 30.300.000đ, phần lỗ này tính theo tỷ lệ vốn góp và trừ lại, trong đó ông Võ Đăng K lỗ hơn 13.000.000đ, ông Lê Văn T lỗ hơn 4.000.000đ, ông Trần Quốc D lỗ hơn 7.000.000đ, ông Lê Văn Đ lỗ hơn 3.000.000đ, ông Nguyễn Văn T2 lỗ hơn 1.000.000đ. Tại buổi tổng kết có 6/7 thành viên đều thống với số liệu về lượng lúa thu vào, xuất ra và các khoản thu, chi trong sản xuất, kinh doanh năm 2018; đồng thời các thành viên góp vốn đã trình bày ý kiến của mình, lý giải những nguyên nhân dẫn đến kinh doanh bị lỗ và giám đốc HTX đã kết luận thông qua tập thể tại cuộc họp ngày 12/02/2019.

Về số lượng lúa tươi Một bụi đỏ mua vào ban đầu là 238,351 tấn, sau khi sấy tỷ lệ hao hụt là 14,6% còn lại 203.551 tấn lúa khô, cộng với 175.022 tấn lúa khô MBĐ mua thêm vào, tổng cộng là 378,573 tấn lúa khô. Sau đó sàn lọc tỷ lệ hao hụt là 5% còn lại 359.643 tấn, xuất bán được 358,739 tấn (mấy 904kg < 2%) là phù hợp với số lượng lúa của thu vào, xuất kho bán nên không có việc mua vào số lượng lúa ít mà báo cáo chi cho mua lúa vào nhiều. Còn lúa OM 6976 mua vào 76,597 tấn sau khi sấy tỷ lệ hao hụt 9% còn lại 69 tấn, thực tế xuất bán được 68,725 tấn (hao hụt 275 kg < 2%) kết quả số lúa thu vào và xuất kho bán phù hợp nên không có việc mất đầu ra.

Còn việc hợp đồng mua thêm lúa Một bụi đỏ khô làm lương thực giá 8.500đ/kg là có sự thống nhất của các thành viên và giám đốc HTN2 ký hợp đồng mua vào. Hợp đồng mua bao đựng lúa số lượng 10.000 cái là phù hợp với số lượng lúa bán ra gần 400 tấn, trong đó chứa lúa Một bụi đỏ khoảng 360 tấn và lúa OM 6976 là 20 tấn và chuột cắn hư hỏng hơn 400 cái. Hợp đồng thuê kiểm định viên kiểm định ruộng giống, lấy mẫu lúa, phân tích mẫu chất lượng là phù hợp với kế

hoạch đã thông qua, giám đốc HTX đã ký hợp đồng thuê khoán là đúng. Hợp đồng thuê kho chứa lúa tại hai nơi gần 300 tấn là phù hợp và thuê máy sàn lọc.

- Theo ông Võ Đăng K trình bày:

Ông Võ Đăng K thống nhất với trình bày của ông Lê Văn T. Ông Võ Đăng K xác định về tiền vốn góp còn lại của ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C 3.018.902đ thì ông Võ Đăng K đã trực tiếp đưa cho ông Trần Quốc D 02 lần đi chơi ở U và ở Cần Thơ. Tuy nhiên, do không có biên nhận nên ông đồng ý xuất tiền cá nhân ra trả cho ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C, đồng thời ông đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2025/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân tỉnh Bạc Liêu nay là Toà án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C:

Ghi nhận sự tự nguyện ông Võ Đăng K đồng ý trả cho ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C số tiền vốn góp 3.018.902đ.

Buộc ông Võ Đăng K có nghĩa vụ trả cho ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C số tiền vốn góp 3.018.902đ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C về việc buộc Hợp tác xã N2 trả số tiền 148.200.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 07/7/2025, ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D và bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C giữ nguyên kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn phát biểu: HTX N2 có hành vi gian dối trong việc kinh doanh, việc kinh doanh có lãi nhưng báo cáo bị thua lỗ. Chứng cứ chứng minh là các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Toà án có trong hồ sơ. Đối với vốn góp của các thành viên tổng số tiền là 2.083.000.000 đồng chứ không phải là 2.483.000.000 đồng. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông D và bà C, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D và bà C.

Ông D và bà C thống nhất với ý kiến tranh luận của Luật sư N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của

Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đối với yêu cầu của ông D và bà C kiện đòi tiền vốn góp 3.018.902 đ: ông D và bà C xác định khi góp vốn vào HTX 600.000.000 đ, sau khi hết vụ mùa 2017-2018, HTX đã trả lại tiền góp vốn cho tất cả các xã viên. Riêng tiền vốn góp của ông D và bà C, ông Võ Đăng K chỉ trả được 596.981.098 đ còn nợ lại 3.018.902 đ. Ông Lê Văn T và ông Võ Đăng K cho rằng đã trả đủ cho ông D và bà C số tiền 600.000.000 đ, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tại phiên toà sơ thẩm, ông Võ Đăng K đồng ý trả cho ông D và bà C tiền vốn góp 3.018.902 đ, nên cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của ông K; đồng thời các bên đương sự cũng không kháng cáo đối với phần nội dung này nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[2] Xét yêu cầu của ông D và bà C kiện đòi HTX N2 trả số tiền lợi nhuận 148.200.000đ, thấy rằng: Trước khi khởi kiện tại Toà án, ông D và bà C đã có đơn tố giác ông Võ Đăng K và HTX N2 gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, yêu cầu cơ quan điều tra xác minh, xử lý về hành vi "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" đối với ông Võ Đăng K. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đối với nội dung đơn tố giác của ông D và bà C, cụ thể:

[2.1] Đối với nội dung ông D và bà C cho rằng, thực tế mua lúa Một bụi đỏ là lúa hàng hóa (lúa ngang) của nhà máy V tổng số lượng là 204.993kg nhưng báo cáo với xã viên tại báo cáo tổng chi cổ đông lúa năm 2018, đề ngày 12/02/2019 là 238.351kg, chênh lệch số tiền 33.358kg x 6.200/kg = 206.819.600đ.

Theo kết quả điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã xác minh các hộ dân thì các hộ dân có bán lúa Một bụi đỏ tươi 226.011kg và lúa nguyên chủng một bụi đỏ 12.340kg, tổng sản lượng là 238.351kg cho HTX nên ông D và bà C xác định chênh lệch 33.358kg là không có căn cứ.

[2.2] Đối với nội dung ông D và bà C cho rằng HTX mua 47.000 kg lúa Một bụi đỏ là lúa hàng hóa (lúa ngang) của nhà máy V để sàn lộc bán lúa giống với giá 8.500đ/kg, nhưng báo cáo với xã viên nâng giá lên thành 9.500đ/kg, việc mua lúa này chênh lệch số tiền là 47.000kg x 1.000đ/kg = 47.000.000đ. Tại bản dự thảo tổng chi có thể hiện mua MBĐ 47.000kg với giá 9.500đ/kg, còn tại hợp đồng mua bán giữa Công ty TNHH MTV L1 với HTX N2 thể hiện mua 47.000kg giá 8.500đ.

Theo kết quả điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã chứng minh khoản này mặc dù HTX ký hợp đồng mua nhưng thực tế HTX để lại cho ông Nguyễn Trọng T4, sinh năm 1987, địa chỉ ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu mua và tại bản báo cáo tổng kết ngày 12/02/2019 thì HTX không tính khoản này, nên nội ông D và bà C đặt ra là không có căn cứ.

[2.2] Đối với nội dung ông D và bà C cho rằng HTX mua lúa khô Một bụi đỏ 47.000kg của nhà máy V do ông Lê Văn Tổng hợp Đ1 mang về bán cho các đại lý gian lận bỏ túi riêng số tiền 72.430.000đ. Phần mua lúa khô của bà Đ2 và lò sấy

ở Xã T gian lận 128.968.340đ. Tổng cộng là: 201.398.340đ. Đối với khoản này, ông K và ông T không thừa nhận, ông D và bà C cũng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với nội dung ông D và bà C cho rằng HTX chiếm đoạt tiền chi phí kiểm định, cụ thể tại bản báo cáo tổng dự toán sản xuất năm 2017 – 2018 (phụ lục 1) ban hành kèm theo kế hoạch sản xuất lúa giống Một bụi đỏ năm 2017 – 2018 đề ngày 14/9/2017 của HTX (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L) xác nhận khoản chi phí kiểm định là 20.000.000đ nhưng khi đưa vào quyết toán lại ghi số tiền là 75.000.000, chênh lệch 75.000.000đ – 20.000.000đ = 55.000.000đ.

Theo kết quả điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H xác định: Bản báo cáo tổng dự toán sản xuất năm 2017 – 2018 xác nhận khoản chi phí kiểm định là 20.000.000đ đây chỉ là dự toán ban đầu, chứ không phải chi thực tế. Tiền kiểm định thực tế là 75.000.000đ, trong đó kiểm định lúa giống Một bụi đỏ là 50.000.000đ và kiểm định lúa OM là 25.000.000đ. Cơ quan điều tra Công an huyện H đã làm việc với ông Nguyễn Hồng K1, sinh năm 1986, địa chỉ ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu thừa nhận có nhận số tiền kiểm định của HTX là 75.000.000đ. nên trình bày của ông D và bà C không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Đối với nội dung ông D và bà C cho rằng chi phí thuê kho để gửi lúa Một bụi đỏ và lúa OM 6976 cao hơn thực tế với tổng số tiền là 23.000.000đ. Mua lúa OM 4900 và OM 6976 HTX đã khống lên tiền mua và chi phí là 45.443.695đ. Tiền thuê HTX có ký hợp đồng với ông Võ Đăng K giá là 68.000.000đ. Tuy nhiên, ông D và bà C cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh HTX có gian lận đối với các khoản này, nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Đối với nội dung ông D và bà C cho rằng HTX mua lúa hàng hóa tại khu vực xã T (thuộc xã P, huyện P) giá 8.000đ/kg, nhưng báo cáo với xã viên là 8.500đ/kg, dẫn đến chênh lệch số tiền là 160.354kg x 500đ/kg = 80.177.000đ.

Tại phiên toà sơ thẩm, ông D và bà C trình bày do ông bà tìm hiểu từ người bán, nghe người vận chuyển lúa nói lại. Ngoài ra ông D và bà C cũng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, nên không có căn cứ để chấp nhận.

[2.6] Đối với nội dung ông D và bà C cho rằng số lượng lúa lương thực HTX mua là 160.354kg, nhưng báo cáo xã viên là 164.182kg, chênh lệch 3.828kg x 8.500đ/kg = 32.538.000đ.

Theo kết quả điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H làm việc với ông Trần Văn T5, sinh năm 1988, địa chỉ: ấp L, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu là có bán lúa trên cho HTX, nên trình bày của ông D và bà C là không có căn cứ.

[2.7] Đối với nội dung ông D và bà C cho rằng HTX kê khoản chi phí khác chênh lệch 21.000.000đ. Tuy nhiên, về khoản chi phí này các cổ đông HTX N2 đều thống nhất có khoản chi phí khác. Ông D là kiểm soát viên của HTX nhưng không có sổ sách theo dõi, ông và bà C không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho trình bày của mình là có căn cứ, nên không có cơ sơ chấp nhận.

[2.8] Đối với nội dung ông D và bà C cho rằng số vốn ban đầu các xã viên đóng góp là 2.083.000.000đ (ông Võ Đăng K 800.000.000đ, ông Trần Quốc D

600.000.000đ, ông Lê Văn T 383.000.000đ, ông Lê Văn Đ 300.000.000đ), chứ không phải là 2.483.000.000đ. Ông D và bà C chỉ dựa vào kế hoạch sản xuất lúa giống Một bụi đỏ năm 2017 – 2018 ban hành ngày 14/9/2017 tại mục 4 về việc huy động vốn, trong đó xã viên góp nhiều nhất là 800.000.000đ, thấp nhất là 100.000.000đ nên không thể có chuyện ông Võ Đăng K góp 1.100.000.000đ. Tuy nhiên, đây là kế hoạch ban đầu, thực tế căn cứ vào danh sách các cổ đông HTX nông nghiệp Quyết Thắng vụ mùa năm 2017 - 2018 thì có 05 cổ đông với tổng số tiền góp vốn là 2.483.000.000đ, trong đó: Ông Võ Đăng K góp 1.100.000.000đ, ông Trần Quốc D góp 600.000.000đ, ông Lê Văn T góp 383.000.000đ, ông Lê Văn Đ góp 300.000.000đ, ông Nguyễn Văn T2 góp 100.000.000đ. Qua làm việc với các cổ đông nêu trên đều trình bày có tham gia và góp vốn như trên là đúng, nên có cơ sở xác định tổng số vốn góp là 2.483.000.000đ. Mặt khác, theo kết quả điều tra, xác minh của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H thể hiện: Năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX N2 bị thua lỗ với số tiền là 11.394.290đ, ông Ký tự N1 chịu 6.000.000đ, nên HTX còn bị thua lỗ với số tiền là 5.394.290đ. Từ kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công án huyện H đã ra Quyết định số 12 ngày 25/12/2020 không khởi tố vụ án hình sự và Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân đã có Công văn số 28/CV-VKS ngày 01/4/2021 xác định Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 12 ngày 25/02/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Từ nhận định trên, xét thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ; do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp. Tuy nhiên có điều chỉnh các tuyên của bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C được miễn chịu án phí.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2025/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu (nay Toà án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau).

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C:

Buộc ông Võ Đăng K có nghĩa vụ trả cho ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C số tiền vốn góp 3.018.902đ.

Kể từ ngày ông D và bà C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông K còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C về việc buộc Hợp tác xã N2 trả số tiền 148.200.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Đăng K phải chịu 300.000 đồng. Ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C được miễn chịu án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Quốc D và bà Thái Ngọc C được miễn chịu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 9- Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 9- Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập